- Chương 1:

I- TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC	9
1. Khái lược về triết học	9
a) Nguồn gốc của triết học	9
* Nguồn gốc nhận thức	9
* Nguồn gốc xã hội	11
b) Khái niệm triết học	12
c) Đối tượng của triết học trong lịch sử	14
d) Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan	16
* Thế giới quan	16
* Hạt nhân lý luận của thế giới quan	17
2. Vấn đề cơ bản của triết học	18
a) Nội dung vấn đề cơ bản của triết học	18
b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm	19
Trường phái nhị nguyên luận	21
c) Thuyết có thể biết (Thuyết khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết bất khả tri)	21
3. Biện chứng và siêu hình	23
a) Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử	23
* Phương pháp siêu hình	23
* Phương pháp biện chứng	23
b) Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử	24
- Hình thức thứ nhất là phép biện chứng tự phátphát thức thứ nhất là phép biện chứng tự phát	24
- Hình thức thứ hai là phép biện chứng duy tâm	
- Hình thức thứ ba là phép biện chứng duy vật	
II- TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐN	IG XÃ HỘI 24
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin	24
a) Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác	
* Điều kiện kinh tế - xã hội	25
Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong đi	
mạng công nghiệp	
Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử với tư cách một lực lượng	chính trị - xã
hội độc lập là nhân tố chính trị - xã hội quan trọng cho sự ra đời triết học Mác	
Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời tri	
* Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên	
- Nguồn gốc lý luận	
- Tiền đề khoa học tự nhiên	
* Nhân tố chủ quan trong sự hình thành triết học Mác	
b) Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác	
* Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học với bước quá độ từ chủ nghĩa duy tân	
cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản (1841 - 1844)	
* Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sự	
* Thời kỳ C. Mác và Ph. Ăngghen bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết	
1895)	34

c) Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiệ	èn35
* C. Mác và Ph. Ăngghen đã khắc phục tính chất trực quan, siêu hình của chủ nghĩa duy	vật cũ
và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm, sáng tạo ra một chứ	ủ nghĩa
duy vật triết học hoàn bị, đó là chủ nghĩa duy vật biện chứng	35
* C. Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng và mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào	nghiên
cứu lịch sử xã hội, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử - nội dung chủ yếu của bước ngo	ặt cách
mạng trong triết học	36
* C. Mác và Ph. Ăngghen đã bổ sung những đặc tính mới vào triết học, sáng tạo ra mọ	ột triết
học chân chính khoa học - triết học duy vật biện chứng	36
d) Giai đoạn V.I. Lênin trong sự phát triển triết học Mác	38
* Hoàn cảnh lịch sử V.I. Lênin phát triển triết học Mác	38
* V.I. Lênin trở thành người kế tục trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác v	và triết
học Mác trong thời đại mới - thời đại đế quốc chủ nghĩa và quá độ lên chủ nghĩa xã hội	39
* Thời kỳ từ năm 1924 đến nay, triết học Mác - Lênin tiếp tục được các đảng cộng	sản và
công nhân bổ sung, phát triển	43
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin	45
a) Khái niệm triết học Mác - Lênin	45
b) Đối tượng của triết học Mác - Lênin	46
c) Chức năng của triết học Mác - Lênin	47
* Chức năng thế giới quan	47
* Chức năng phương pháp luận	48
3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việ	ệt Nam
hiện nay	
a) Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng c	ho con
người trong nhận thức và thực tiễn	48
b) Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách m	
phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và côn	g nghệ
hiện đại phát triển mạnh mẽ	52
c) Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã h	•
thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	53

- Chương 2:

	Cl.	2
_	Chương	7.
	diadig	4.

I- VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC	50
1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất	50
a) Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C. Mác về phạm trù	vật
chất	50
b) Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá	sản
của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất	51
c) Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất	52
Thứ nhất, vật chất là thực tại khách quan - cái tồn tại hiện thực bên ngoài ý thức	c và
không lệ thuộc vào ý thức	54
Thứ hai, vật chất là cái mà khi tác động vào các giác quan con người thì đem lại	cho
con người cảm giác	54
Thứ ba, vật chất là cái mà ý thức chẳng qua chỉ là sự phản ánh của nó	55
Ý nghĩa phương pháp luận của quan niệm vật chất của triết học Mác - Lênin	55
d) Phương thức tồn tại của vật chất	. 56
Vận động là cách thức tồn tại, đồng thời là hình thức tồn tại của vật chất; không g	ian,
thời gian là hình thức tồn tại của vật chất	56
* Vận động	56
- Vận động là phương thức tồn tại của vật chất	. 56
- Những hình thức vận động cơ bản của vật chất	57
- Vận động và đứng im	58
* Không gian và thời gian	59
đ) Tính thống nhất vật chất của thế giới	60
* Tồn tại của thế giới là tiền đề cho sự thống nhất của thế giới	60
* Thế giới thống nhất ở tính vật chất	60
- Chỉ một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất	60
- Mọi bộ phận của thế giới có mối quan hệ vật chất thống nhất với nhau	60
- Thế giới vật chất không do ai sinh ra và cũng không tự mất đi, tồn tại vĩnh viễn	, vô
hạn và vô tận	61
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	62
a) Nguồn gốc của ý thức	62
* Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm	. 62
* Quan điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình	62
* Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng	63
b) Bản chất của ý thức	65
Bản chất của ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là quá trình phản a	ánh
tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan của óc người	. 66
c) Kết cấu của ý thức	67
* Các lớp cấu trúc của ý thức	67
* Các cấp độ của ý thức	
* Vấn đề "trí tuệ nhân tạo"	
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	70

a) Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình	70
b) Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng	71
* Vật chất quyết định ý thức	71
Thứ nhất, vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức	71
Thứ hai, vật chất quyết định nội dung của ý thức	72
Thứ ba, vật chất quyết định bản chất của ý thức	72
Thứ tư, vật chất quyết định sự vận động, phát triển của ý thức	72
* Ý thức có tính độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất	73
Thứ nhất, ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất vào trong đầu óc con người	73
Thứ hai, sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động thực	tiễn của
con người	73
Thứ ba, vai trò của ý thức thể hiện ở chỗ chỉ đạo hoạt động, hành động của con ng	zười73
Thứ tư, xã hội càng phát triển thì vai trò của ý thức ngày càng to lớn	73
Ý nghĩa phương pháp luận	
II- PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	74
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật	74
a) Hai loại hình biện chứng	
thứ hai, là phạm trù dùng để chỉ những mối liên hệ và sự vận động, biến đổi củ	
quá trình phản ánh hiện thực khách quan vào đầu óc con người	
b) Khái niệm phép biện chứng duy vật	75
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	
a) Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật	
* Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến	
- Tính chất của mối liên hệ phổ biến	
* Nguyên lý về sự phát triển	
b) Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	
* Cái riêng và cái chung	
* Nguyên nhân và kết quả	
* Tất nhiên và ngẫu nhiên	
* Nội dung và hình thức	
* Bản chất và hiện tượng	
* Khả năng và hiện thực	
c) Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	
* Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về	
ngược lại	
* Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập	
* Quy luật phủ định của phủ định	
III- LÝ LUẬN NHẬN THỨC	
1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học	
* Khái niệm lý luận nhận thức	
* Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm về nhận thức	
* Quan điểm của chủ nghĩa hoài nghi	
* Quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước C. Mác	104

* Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng	104
- Nguyên tắc thừa nhận sự vật khách quan tồn tại bên ngoài và độc lập với	ý thức con
người	104
- Cảm giác, tri giác, ý thức nói chung là hình ảnh của thế giới khách quan	104
- Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra hình ảnh đúng, hình ảnh sai của cảm	giác, ý thức
nói chung	105
2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	105
a) Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	105
b) Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	106
* Phạm trù thực tiễn	106
Thứ nhất, thực tiễn không phải là toàn bộ hoạt động của con người mà cl	nỉ là những
hoạt động vật chất - cảm tính	107
Thứ hai, hoạt động thực tiễn là những hoạt động mang tính lịch sử - xã l	ıội của con
người	107
Thứ ba, thực tiễn là hoạt động có tính mục đích nhằm cải tạo tự nhiên và	κã hội phục
vụ con người	107
* Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	108
- Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức	108
- Thực tiễn là mục đích của nhận thức	109
- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý	109
c) Các giai đoạn của quá trình nhận thức	110
- Nhận thức cảm tính	110
- Nhận thức lý tính	110
- Sự thống nhất giữa trực quan sinh động, tư duy trừu tượng và thực tiễn	112
d) Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về chân lý	112
* Quan niệm về chân lý	112
* Các tính chất của chân lý	112
- Tính khách quan	112
- Tính tương đối và tính tuyệt đối	113
- Tính cụ thể của chân lý	113

	CI	2
_	Chirona	۷٠
	Chương	J.

	- Chương 3:
115	I- HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI
115	1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
lao động tác động	Sản xuất vật chất là quá trình mà trong đó con người sử dụng công cụ lao
hiên để tạo ra của	trực tiếp hoặc gián tiếp vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiê
116	cải xã hội nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người
116	Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người
116	Sản xuất vật chất là tiền đề của mọi hoạt động lịch sử của con người
116	Sản xuất vật chất là điều kiện chủ yếu sáng tạo ra bản thân con người
117	2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
117	a) Phương thức sản xuất
117	* Lực lượng sản xuất
117	Người lao động
117	Tư liệu sản xuất
ời với người trong	* Quan hệ sản xuất là tổng hợp các quan hệ kinh tế - vật chất giữa người v
119	quá trình sản xuất vật chất
119	Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất
119	Quan hệ về tổ chức và quản lý sản xuất
119	Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động
ng sản xuất119	b) Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng s
120	* Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất
120	* Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất
122	* Ý nghĩa trong đời sống xã hội
122	3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
122	a) Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội
g sự vận động hiện	* Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự
122	thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó
ội với những thiết	* Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội v
nh trên một cơ sở	chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành
123	hạ tầng nhất định
nượng tầng của xã	b) Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượ
123	hội
123	* Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng
124	* Sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng
126	* Ý nghĩa trong đời sống xã hội
i ên 127	4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên
127	a) Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội
127	Gồm ba yếu tố cơ bản, phổ biến
127	lực lượng sản xuất,
	quan hệ sản xuất (cơ sở hạ tầng);
127	kiến trúc thượng tầng
	b) Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người

c) Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng	129
Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở khoa học cho việc xác định con đường _l	ohát
triển của Việt Nam	129
Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học tr	ong
quán triệt quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam	130
Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở lý luận, phương pháp luận khoa học và c	cách
mạng trong đấu tranh bác bỏ những quan điểm thù địch	130
II- GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC	132
1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp	132
a) Giai cấp	132
* Định nghĩa	132
* Nguồn gốc của giai cấp	135
* Kết cấu xã hội - giai cấp	136
b) Đấu tranh giai cấp	137
* Tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp	137
* Vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp	138
c) Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản	
* Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản khi chưa có chính quyền	140
* Đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội	141
* Đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	hiện
nay	142
2. Dân tộc	
a) Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc	
* Thị tộc	
* Bộ lạc	
* Bộ tộc	
b) Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay	
* Khái niệm dân tộc	
* Đặc trưng của dân tộc	
- Dân tộc là một cộng đồng người ổn định trên một lãnh thổ thống nhất	
- Dân tộc là một cộng đồng thống nhất về ngôn ngữ	
- Dân tộc là một cộng đồng thống nhất về kinh tế	
- Dân tộc là một cộng đồng bền vững về văn hóa, tâm lý và tính cách	
- Dân tộc là một cộng đồng người có một nhà nước và pháp luật thống nhất	
* Quá trình hình thành các dân tộc ở châu Âu và đặc thù sự hình thành dân tộc ở châu	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại	
a) Quan hệ giai cấp - dân tộc	
* Giai cấp quyết định dân tộc	
* Vấn đề dân tộc có ảnh hưởng quan trọng đến vấn đề giai cấp	
* Đấu tranh giải phóng dân tộc là điều kiện, tiền đề cho đấu tranh giải phóng giai cấp.	
b) Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại	
III- NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI	154

a) Nguồn gốc của nhà nước	154
b) Bản chất của nhà nước	155
c) Đặc trưng cơ bản của nhà nước	156
Một là, nhà nước quản lý cư dân trên một vùng lãnh thổ nhất định:	156
Hai là, nhà nước có hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡn	g chế
đối với mọi thành viên	156
Ba là, nhà nước có hệ thống thuế khóa để nuôi bộ máy chính quyền	157
d) Chức năng cơ bản của nhà nước	157
* Chức năng thống trị chính trị và chức năng xã hội	157
* Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại	158
đ) Các kiểu và hình thức nhà nước	158
2. Cách mạng xã hội	162
a) Nguồn gốc của cách mạng xã hội	162
b) Bản chất của cách mạng xã hội	162
c) Phương pháp cách mạng	166
d) Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay	167
IV- Ý THỨC XÃ HỘI	167
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội	168
a) Khái niệm tồn tại xã hội	168
2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội	168
a) Khái niệm ý thức xã hội	168
b) Kết cấu của ý thức xã hội	168
c) Tính giai cấp của ý thức xã hội	170
d) Các hình thái ý thức xã hội	171
* Ý thức chính trị	171
* Ý thức pháp quyền	171
* Ý thức đạo đức	
* Ý thức nghệ thuật hay ý thức thẩm mỹ	173
* Ý thức tôn giáo	173
* Ý thức lý luận hay ý thức khoa học	174
* Ý thức triết học	175
3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý	thức
xã hội	176
Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội thể hiện ở những điểm sau đây:đ	176
* Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội	
Những nguyên nhân làm cho ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội là do:	176
Trước hết, do tác động mạnh mẽ và nhiều mặt trong hoạt động thực tiễn củ	a con
người	176
Thứ hai, do sức mạnh của thói quen, tập quán, truyền thống và do cả tính bảo th	ủ của
hình thái ý thức xã hội	
Thứ ba, ý thức xã hội gắn liền với lợi ích của những tập đoàn người, của các gia	_
nào đó trong xã hội	
* Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội	177

* Ý thức xã hội có tính kế thừa	177
* Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội	178
* Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội	178
V- TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	179
1. Con người và bản chất con người	179
a) Con người là thực thể sinh học - xã hội	179
b) Con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra nhữn	g tư liệu
sinh hoạt của mình	180
c) Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người	181
d) Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử	181
đ) Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hộihội	
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người	183
a) Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa	ı 183
b) "Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức"	184
c) "Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tấ	t cả mọi
người"	
3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò c	-
chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử	
a) Quan hệ giữa cá nhân và xã hội	
b) Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử	
- Yếu tố căn bản và quyết định của lực lượng sản xuất là quần chúng nhân	
động	
- quần chúng nhân dân luôn là lực lượng chủ yếu, cơ bản và quyết định mọi t	• .
của các cuộc cách mạng	
- Toàn bộ các giá trị văn hóa, tinh thần và đời sống tinh thần nói chung đều	•
chúng nhân dân sáng tạo ra	
Quan hệ giữa lãnh tụ với quần chúng nhân dân là quan hệ thống nhất, biện ch	•
hiện trên các nội dung sau đây:	
- Mục đích và lợi ích của quần chúng nhân dân và lãnh tụ là thống nhất	
- Quần chúng nhân dân và phong trào của họ tạo nên các lãnh tụ, những điều k	•
đề khách quan để các lãnh tụ xuất hiện và hoàn thành các nhiệm vụ mà lịch sử đặ	
họ - Trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa quần chúng nhân dân và lãnl	
nghĩa Mác - Lênin khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân	
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	
"- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phần đấu vì độc lập dân tộc và chủ	
hôi,	•
- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực,	
- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo,	
- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ th	
Thuong Auyen nọc tập, hàng cao meu biet, trinh tự chuyên môn, trinh tự th	1 24